TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/DS-ST
Ngày: 21 – 8 - 2024
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Tuấn Khanh
Ông Nguyễn Văn Hiếu
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 145/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Đặng Thị V (Hằng)**, sinh ngày: 20/6/1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện BT, tỉnh T.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Bà Nguyễn Thị B, sinh ngày: 30/12/1960 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.
Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 07/8/2024.
- *Bị đơn:*
1. **Võ Thị B (Thúy),** sinh năm: 1966 (Vắng mặt)
2. **Mai Văn C**, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2023, bản tự khai 21/11/2023, nguyên đơn bà Đặng Thị V (Hằng) trình bày:

Bà có cho vợ chồng Võ Thị B (Thúy) và ông Mai Văn C vay số tiền là 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng), cho vay làm 02 lần. Lần 01 ngày 28/11/2021 cho vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Lần 02 ngày

30/12/2021 cho vay số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng**).** Cả 02 lần cho vay đều có làm giấy tay, cho vay lần 01 không có ấn định thời hạn trả tiền vay, lần 02 là 01 tháng trả lại, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, không có ghi trong giấy tay. Vợ chồng bà Võ Thị B và ông Mai Văn C đã nhận đủ số tiền vay. Sau khi vay được tiền đến nay, vợ chồng bà Võ Thị B và ông Mai Văn C không có trả vốn và lãi suất cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng Võ Thị B (Thúy) và ông Mai Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn vay 51.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 30/12/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 07/8/2024.

* Bị đơn bà Võ Thị B (Thúy) và ông Mai Văn C các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Võ Thị B và ông Mai Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị V số tiền nợ vay 51.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 07/8/2024. Bị đơn bà Võ Thị B (Thúy) và ông Mai Văn C đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông bà vẫn vắng mặt. Tại đơn xác nhận ngày 01/3/2023 công an xã P xác nhận bị đơn bà B và ông C vẫn còn đang sinh sống tại địa phương. Mặc khác, đơn khởi kiện của nguyên đơn bà V ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị

đơn. Chứng cứ nguyên đơn bà V cung cấp là hợp đồng mượn tiền đề ngày 28/11/2021 có ghi đầy đủ họ tên, năm sinh cụ thể và chữ ký, chữ viết của người vay tiền là bà Võ Thị B và ông Mai Văn C (Bút lục số 06, 07), đúng với địa chỉ nguyên đơn bà V cung cấp và ghi trong đơn khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B, bị đơn bà B, ông C là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị V yêu cầu bị đơn bà Võ Thị B (Thúy) và ông Mai Văn C phải trả số tiền nợ vay 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng mượn tiền đề ngày 28/11/2021 (Bút lúc số 06) số tiền 40.000.000 đồng và giấy tay mượn tiền (Bút lúc số 07) số tiền 11.000.000 đồng do nguyên đơn bà V cung cấp đều thể hiện rõ số tiền vay của 02 lần là 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng). Dưới mục bên mượn của hợp đồng mượn tiền đề ngày 28/11/2021 có chữ ký, chữ viết của bà Võ Thị B và ông Mai Văn C; giấy tay mượn tiền có chữ viết của bà Võ Thị B. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa bà V với bà B, ông C có quan hệ giao dịch vay tiền, bà V không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền vay 51.000.000 đồng hiện nay đã đến hạn trả nợ nhưng bà Võ Thị B và ông Mai Văn C chưa trả cho bà V là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà B, ông C vay tiền bà V chưa trả đã đi nơi khác, thay đổi địa chỉ mới nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ; bà B, ông C không có ý kiến phản hồi đối với tiền nợ vay mà nguyên đơn bà Vương đã khởi kiện. Do đó, nguyên đơn bà V khởi kiện yêu cầu bà Bê, ông C phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 51.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 30/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 21/8/2024) của nguyên đơn bà V. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc nhận tiền vay đến nay phía bị đơn bà B, ông C không có trả vốn, trả tiền lãi suất là đã vi phạm nghĩa vụ, hai bên có thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng nhưng thỏa thuận miệng, không có ghi rõ trong hợp đồng mượn tiền. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất phải trả là 0,83%/tháng là phù hợp. Về thời gian yêu cầu trả lãi suất, phía nguyên đơn bà V yêu cầu tính từ ngày 30/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 21/8/2024) là chưa phù hợp. Căn cứ vào hợp đồng mượn tiền đề ngày 28/11/2021 (Bút lúc số 06) số tiền 40.000.000 đồng, không có ấn định thời hạn trả tiền vay nên thời gian tính lãi tính từ ngày bà V khởi kiện tại Tòa án và được thụ lý giải quyết là ngày 30/10/2023 và giấy tay mượn tiền bà V khai ngày 30/12/2021 (Bút lúc số 07) số tiền 11.000.000 đồng, kỳ hạn 01 tháng trả lại nên ngày vi phạm

nghĩa vụ là ngày 01/01/2022 theo quy định Điều 357 Bộ luật dân sự. Như vậy, số tiền lãi suất bà B, ông C phải trả cho nguyên đơn được tính như sau:

40.000.000 đồng x 0,83% x 09 tháng 22 ngày + 11.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 31 tháng 20 ngày = 6.122.800 đồng (Sáu triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng).

[3] Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi suất phải trả cho nguyên đơn là 57.122.800 đồng (Gồm tiền vốn gốc 51.000.000 đồng, tiền lãi suất 6.122.800 đồng).

[4] Nguyên đơn bà V khởi kiện yêu cầu bà B, ông C cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà B, ông C là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và cùng vay tiền thể hiện tại biên bản xác minh ngày 08/8/2024. Số tiền nợ vay của bà V được hình thành thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà B, ông C. Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà B, ông C cùng liên đới trả tiền nợ vay và lãi suất là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà B, ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ vay và lãi suất nêu trên cho nguyên đơn bà V là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà B, ông C phải liên đới chịu án phí số tiền là: 57.122.800 đồng x 5% = 2.856.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470, 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 92; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233; điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị V (Hằng) đối với bị đơn bà Võ Thị B (Thúy) và ông Mai Văn C.

2. Buộc bà Võ Thị B (Thúy) và ông Mai Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị V (Hằng) số tiền vay 57.122.800 đồng (Năm

mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng) (Gồm tiền vốn gốc 51.000.000 đồng, tiền lãi suất 6.122.800 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Võ Thị B (Thúy) và ông Mai Văn C phải liên đới chịu 2.856.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị V 1.705.000 đồng (Một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000513 ngày 30/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre (*Phòng KTNV&THA*);
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương